

Bản án số: 81/2021/HS-PT

Ngày: 08 - 7 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bình

- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Duy Hoài

Ông Đặng Ngọc Bình

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Tr Hương Trang – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*
Bà Trần Tr Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 94/2021/TLPT-HS ngày 10 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo Trần Thị Thu Th do có kháng cáo của bị cáo Th đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2021/HS-ST ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL.

Bị cáo có kháng cáo: **Trần Thị Thu Th**, sinh năm 1966 tại: Lâm Đồng; nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: 120/5 thôn TA, xã XT, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Tr, sinh năm 1930 và bà Phạm Thị Tr1 (đã chết); chồng Nguyễn Kim D, sinh năm 1962, có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1986 và nhỏ nhất sinh năm 1995. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố ĐL để điều tra về hành vi phạm tội khác. Có mặt.

Các bị hại có kháng cáo:

1. Ông Trần Văn Th1, sinh năm 1975, trú tại: Tổ 7, thôn XTh, xã XTh, thành phố ĐL. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Lương Đ, sinh năm 1951, trú tại: Tổ 2, thôn XTh, xã XTh, thành phố ĐL. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1975, trú tại: Tổ 4, thôn XTh, xã XTh, thành phố ĐL. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Hữu Ng, sinh năm 1949, trú tại: Tổ 3, thôn XTh, xã XTh, thành phố ĐL. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
5. Ông Phạm Văn S, sinh năm 1974, trú tại: Tổ 2, thôn XTh, xã XTh, thành phố ĐL. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
6. Ông Lê Nh, sinh năm 1953, trú tại: Tổ 4, thôn XTh, xã XTh, thành phố ĐL. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
7. Bà Lê Thị M, sinh năm 1964, trú tại: Tổ 5, thôn XTh, xã XTh, thành phố ĐL. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
8. Chị Đặng Thị Thùy D1, sinh năm 1994, trú tại: Tổ 5, thôn XTh, xã XTh, thành phố ĐL. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
9. Ông Đặng Công Đ, sinh năm 1977, trú tại: Tổ 7, thôn XTh, xã XTh, thành phố ĐL. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
10. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1974, trú tại: thôn XTh, xã XTh, thành phố ĐL. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
11. Bà Đinh Thị Thu C, sinh năm 1975, trú tại: thôn XTh, xã XTh, thành phố ĐL. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
12. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1986, trú tại: Tổ 6, thôn XTh, xã XTh, thành phố ĐL. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
13. Ông Đặng T, sinh năm 1972, trú tại: Tổ 6, thôn XTh, xã XTh, thành phố ĐL. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
14. Ông Trương Thành L, sinh năm 1956, trú tại: Tổ 1, thôn XTh, xã XTh, thành phố ĐL. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
15. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1964, trú tại: thôn XTh, xã XTh, thành phố ĐL. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
16. Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1952, trú tại: Tổ 7, thôn XTh, xã XTh, thành phố ĐL. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
17. Ông Phạm Đình T2, sinh năm 1978, trú tại: Tổ 6, thôn XTh, xã XTh, thành phố ĐL. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
18. Bà Lê Thị H2, sinh năm 1984, trú tại: Tổ 3, thôn XTh, xã XTh, thành phố ĐL. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
19. Bà Đinh Thị S2, sinh năm 1945, trú tại: Tổ 1, thôn XTh, xã XTh, thành phố ĐL. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
20. Ông Nguyễn Đức D3, sinh năm 1979, trú tại: thôn XTh, xã XTh, thành phố ĐL. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
21. Bà Nguyễn Thị Thanh V, nơi cư trú: số 37 đường NS, phường 7,

thành phố ĐL. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trong vụ án này còn có các bị hại khác không kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 9-2018, Trần Thị Thu Th được bà Nguyễn Thị Thanh V - nhân viên thu tiền điện thuộc Công ty Cổ phần giải pháp thanh toán điện lực và viễn thông (ECPay) thuê để thực hiện công việc thu tiền sử dụng điện tại khu vực thôn XTh, xã XTh và Phường 11 thuộc Thành phố ĐL. Theo thỏa thuận, từ ngày 10 đến ngày 30 hàng tháng, Th có nhiệm vụ thu tiền điện của từng hộ dân rồi nộp ngay vào tài khoản của Công ty ECPay, Công ty Điện lực Lâm Đồng hoặc đưa tiền mặt cho bà V. Thông thường, khi thu tiền điện, Th sẽ in Phiếu “*Thông báo tiền điện*” gửi cho từng hộ dân để thông báo số tiền điện phải trả của kỳ thu tiền điện, sau khi hộ dân đóng tiền, Th in phiếu “*Biên nhận thanh toán tiền điện*” xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ đóng tiền điện đối với Công ty Điện lực Lâm Đồng. Tại nơi Th thu tiền điện, nhiều hộ dân phải thanh toán 02 khoản tiền điện gồm điện dùng trong sinh hoạt và điện dùng trong sản xuất, trong đó hầu hết tiền điện dùng trong sản xuất nhiều hơn so với tiền điện dùng trong sinh hoạt, do vậy mỗi khi thanh toán đầy đủ tiền điện, từng hộ dân được Th in 02 phiếu, một phiếu “*Biên nhận thanh toán tiền điện*” của điện dùng trong sinh hoạt và một phiếu “*Biên nhận thanh toán tiền điện*” dùng trong sản xuất. Từ tháng 9-2018 đến tháng 8-2019, Th thực hiện đúng nội dung thỏa thuận với bà V, đến tháng 9-2019, do thiếu tiền tiêu xài nên Th nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền điện của các hộ dân. Lợi dụng sự tin tưởng của người dân, khi thu tiền điện, Th in phiếu “*Biên nhận thanh toán tiền điện*” đối với tiền điện sinh hoạt và phiếu “*Thông báo tiền điện*” đối với tiền điện sản xuất, sau đó dùng bút cộng bằng tay số tiền điện sản xuất vào biên nhận thanh toán tiền điện sinh hoạt rồi yêu cầu hộ dân thanh toán tổng số tiền điện sinh hoạt và điện sản xuất. Th chỉ nộp cho Công ty ECPay tổng số tiền điện sinh hoạt đã thu của 42 hộ dân, còn số tiền điện sản xuất đã thu (*Chưa in Biên nhận thanh toán*) thì Th chiếm đoạt tiêu xài cá nhân. Biết mình sẽ bị phát hiện nên tháng 10-2019, Th không tiếp tục thực hiện công việc thu tiền điện này, do đó bà V thuê người khác đến thu tiền điện kỳ tháng 10-2019 và tiền điện sản xuất còn nợ tháng 9-2019 thì phát hiện nhiều hộ dân đã đóng tiền điện nhưng chưa nhận được Biên nhận thanh toán nên trình báo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố ĐL.

Vật chứng vụ án: 01 máy điện thoại Nokia màu đen, số IMEI: 353395093390877; 01 máy in bluetooth màu đen hiệu Terrabit Networks; Thu giữ của bà Nguyễn Thị Thanh V: 01 Hợp đồng dịch vụ bán lẻ điện năng dành

cho thu ngân viên số 3536/HĐDVBLDN – ECPAY ngày 17/4/2019; 01 Hợp đồng lao động số 00.1094/2017/HĐLĐ-ECPAY ngày 25/11/2017 của Công ty giải pháp thanh toán điện lực và viễn thông với Nguyễn Thị Thanh V; 04 Giấy nộp tiền của Trần Thị Thu Th, nộp vào tài khoản Ngân hàng Agribank cho Công ty Cổ phần giải pháp thanh toán điện lực và viễn thông các ngày 13/09/2019, 20/9/2019, 30/09/2019, 25/09/2019

Thu giữ 23 Phiếu Biên nhận thanh toán điện sinh hoạt và Thông báo tiền điện sản xuất của ông Trần Văn Th1, ông Lương Đ, ông Lê Nh, ông Phạm Văn T3, chị Đặng Thị Thùy D1, bà Phan Thị Ngọc Tr, bà Phạm Thị H2, bà Đinh Thị Mỹ T5, ông Đặng Công Đ, bà Bùi Thị Cẩm V2, bà Đinh Thị Thu C, ông Đặng T, ông Trương Thành L, bà Trần Thị Tr2, ông Phạm Tấn Ng, ông Nguyễn Văn S, ông Trần Ngọc H, ông Phạm Đình T2, anh Hoàng Thành C2, ông Nguyễn Đăng Th3, bà Lê Thị H2, ông Nguyễn L5, bà Phạm Thị Phú M5.

Ngày 08-7-2020, Cơ quan điều tra xử lý vật chứng trả lại: 01 máy điện thoại Nokia màu đen và 01 máy in bluetooth màu đen hiệu Terrabit Networks cho bà Nguyễn Thị Thanh V.

Bị hại gồm:

1. Ông Trần Văn Th1, sinh năm 1975, trú tại: Tổ 7, XTh, XTh, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 2.846.976 đồng.
2. Ông Lương Đ, sinh năm 1951, trú tại: Tổ 2, XTh, XTh, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 1.888.717 đồng.
3. Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1975, trú tại: Tổ 4, XTh, XTh, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 3.745.924 đồng.
4. Ông Nguyễn H, sinh năm 1946, trú tại: Tổ 7, XTh, XTh, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 3.677.344 đồng.
5. Ông Nguyễn Hữu Ng, sinh năm 1949, trú tại: Tổ 3, XTh, XTh, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 1.408.802 đồng.
6. Ông Phạm Văn S, sinh năm 1974, trú tại: Tổ 2, XTh, XTh, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 3.631.007 đồng.
7. Ông Lê Nh, sinh năm 1953, trú tại: Tổ 4, XTh, XTh, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 2.441.263 đồng.
8. Bà Lê Thị M, sinh năm 1964, trú tại: Tổ 5, XTh, XTh, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 939.725 đồng.
9. Bà Nguyễn Thị Lệ L5, sinh năm 1965, trú tại: Trại Mát, Phường 11, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 3.349.275 đồng.

10. Ông Lê Đức H6, sinh năm 1963, trú tại: Đa Lộc, XTh, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 1.547.673 đồng.

11. Chị Đặng Thị Thùy D1, sinh năm 1994, trú tại: Tổ 5, XTh, XTh, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 1.744.144 đồng.

12. Bà Hồ Thị H7, sinh năm 1975, trú tại: 401 Tự Tạo 1, Phường 11, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 1.690.392 đồng.

13. Bà Phan Thị Ngọc Tr, sinh năm 1972, trú tại: 83/5 Tự Phước, Phường 11, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 1.618.406 đồng.

14. Bà Phạm Thị H2, sinh năm 1965, trú tại: Tổ 18 Tự Tạo 2, Phường 11, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 1.165.852 đồng.

15. Bà Đinh Thị Mỹ T5, sinh năm 1985, trú tại: 92/7 Tự Phước, Phường 11, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 1.903.545 đồng.

16. Bà Bùi Thị Như H8, sinh năm 1986, trú tại: 76 Đa Phước, Phường 11, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 5.517.870 đồng.

17. Chị Nguyễn Thị H9, sinh năm 1997, trú tại: Tự Tạo 2, Phường 11, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 5.766.239 đồng.

18. Ông Đặng Công Đ, sinh năm 1977, trú tại: Tổ 7, XTh, XTh, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 2.574.512 đồng.

19. Bà Bùi Thị Cẩm V2, sinh năm 1974, trú tại: Tổ 1, XTh, XTh, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 2.320.582 đồng.

20. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1974, trú tại: XTh, XTh, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 1.899.838 đồng.

21. Bà Đinh Thị Thu C, sinh năm 1975, trú tại: XTh, XTh, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 2.344.678 đồng.

22. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1986, trú tại: Tổ 6, XTh, XTh, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 4.435.426 đồng.

23. Ông Đặng T, sinh năm 1972, trú tại: Tổ 6, XTh, XTh, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 1.193.082 đồng.

24. Ông Trương Thành L, sinh năm 1956, trú tại: Tổ 1, XTh, XTh, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 1.796.042 đồng.

25. Bà Trần Thị Tr2, sinh năm 1980, trú tại: 189/17 Tự Tạo II, Phường 11, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 2.105.576 đồng.

26. Ông Phạm Tấn Ng, sinh năm 1958, trú tại: 3/6 Tự Phước, Phường 11, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 1.677.418 đồng.

27. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1964, trú tại: XTh, XTh, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 3.969.980 đồng.

28. Ông Trần Ph, sinh năm 1966, trú tại: Tự Tạo II, Phường 11, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 5.011.864 đồng.

29. Ông Phạm Tấn T8, sinh năm 1970, trú tại: 23 Ngô Thì Sĩ, Phường 4, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 2.403.990 đồng.

30. Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1952, trú tại: Tổ 7, XTh, XTh, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 772.910 đồng.

31. Ông Phạm Đình T2, sinh năm 1978, trú tại: Tổ 6, XTh, XTh, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 3.569.841 đồng.

32. Anh Hoàng Thành C2, sinh năm 1995, trú tại: 26 Thái Phiên, Phường 12, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 2.897.021 đồng.

33. Ông Nguyễn Đăng Th3, sinh năm 1966, trú tại: Túy Sơn, XTh, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 5.509.649 đồng.

34. Bà Lê Thị H2, sinh năm 1984, trú tại: Tổ 3, XTh, XTh, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 2.303.901 đồng.

35. Bà Đinh Thị S2, sinh năm 1945, trú tại: Tổ 1, XTh, XTh, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 2.157.474 đồng.

36. Ông Nguyễn L5, sinh năm 1945, trú tại: Tổ Tự Tạo II, Phường 11, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 1.814.577 đồng.

37. Bà Phạm Thị Phú M5, sinh năm 1980, trú tại: Trại Mát, Phường 11, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 2.717.231 đồng.

38. Ông Lê Đồng T9, sinh năm 1971, trú tại: Tổ Tự Tạo II, Phường 11, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 8.731.839 đồng.

39. Bà Lê Thị Th5, sinh năm 1976, trú tại: Tổ 7, XTh, XTh, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 5.658.736 đồng.

40. Ông Nguyễn Đức D3, sinh năm 1979, trú tại: XTh, XTh, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 2.824.724 đồng.

41. Bà Đặng Thị M, sinh năm 1973, trú tại: Tổ Tự Tạo I, XTh, XTh, ĐL, bị chiếm đoạt số tiền là 1.669.598 đồng.

Tổng số tiền các bị hại bị Trần Thị Thu Th chiếm đoạt là: 117.243.343 đồng, các bị hại yêu cầu bị can bồi thường số tiền bị chiếm đoạt.

Ngoài ra, trong những lần thực hiện thủ đoạn như trên, Trần Thị Thu Th in Phiếu thông báo tiền điện cho điện sản xuất để thực hiện hành vi lừa đảo, nhưng Th nhảm lẫn nên in Biên nhận thanh toán đối với 05 trường hợp là bà

Đàm Thị D, ông Nguyễn Anh D, ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị Kim D và ông Lê Văn H. Sau khi nhận Biên nhận thanh toán, các trường hợp này đã thanh toán đủ số tiền tổng cộng là 27.750.210 đồng cho Th. Theo thỏa thuận với bà V thì Th phải nộp số tiền này vào tài khoản Công ty Điện lực thay cho bà V hoặc đưa tiền mặt cho bà V. Tuy nhiên, để chiếm đoạt được số tiền này, Th đã thực hiện thao tác hủy Phiếu Biên nhận thanh toán trên hệ thống điện tử đối với nội dung thu tiền điện sản xuất, nên Công ty ECPAY vẫn ghi nợ với 05 khách hàng này. Đến tháng 10-2019, khi người mới được bà V thuê đến thu tiền điện của kỳ tháng 10-2019 và kỳ còn nợ là tháng 9-2019 thì 05 hộ dân nêu trên xuất trình được Biên nhận thanh toán của kỳ tháng 9-2019 nên không phải thanh toán, buộc bà V phải lấy tiền cá nhân thanh toán cho Công ty ECPAY.

Vật chứng thu giữ: 04 Biên nhận thanh toán tiền điện kỳ 01 tháng 9-2019 của bà Đàm Thị D, ông Nguyễn Anh D, ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Kim D.

Tại bản Cáo trạng số 213/Ctr-VKS ngày 20 tháng 11 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố Trần Thị Thu Th về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2017*) và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Tại bản án số 57/2021/HS-ST ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL đã xử;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2017*); điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g, i Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thu Th phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu Th 04 (*Bốn*) năm tù.

Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2017*); điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thu Th phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu Th 01 (*Một*) năm tù.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*), tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Thị Thu Th phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 05 (*Năm*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo.

* Ngày 06/4/2021 bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

* Ngày 06/4/2021 các bị hại gồm Trần Văn Th1; Lương Đ; Nguyễn Văn Ph; Nguyễn Hữu Ng; Phạm Văn S; Lê Nh; Lê Thị M; Đặng Thị Thùy D1; Đặng Công Đ; Nguyễn Thị B; Đinh Thị Thu C; Nguyễn Thị N; Đặng T; Trương Thành L; Nguyễn Văn S; Trần Ngọc H; Phạm Đình T2; Lê Thị H2; Đinh Thị S2; Nguyễn Đức D3; Nguyễn Thị Thanh V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Các bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến: Đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo và các bị hại, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm cho bị cáo từ 03 đến 06 tháng tù đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và giảm từ 09 đến 12 tháng tù đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt giảm cho bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù giam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ lời khai của bị cáo; lời khai của các bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Lợi dụng bản thân là người đã thu tiền điện khoảng hơn một năm trên địa bàn nên được sự tin tưởng của người dân, bị cáo Trần Thị Thu Th đã dùng thủ đoạn gian dối không in phiếu “*Biên nhận thanh toán tiền điện*” mà chỉ in “*Thông báo tiền điện*” làm cho người dân vẫn tin tưởng đóng tiền cho bị cáo, sau đó bị cáo chiếm đoạt của 40 người bị hại tổng với số tiền là 111.231.479 đồng. Ngoài ra, sau khi thu được số tiền 27.750.210 đồng theo thỏa thuận với bà Nguyễn Thị Thanh V, Trần Thị Thu Th không trả cho bà V mà dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt số tiền này. Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Th tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo và các bị hại: Đơn kháng cáo của bị cáo và các bị hại nộp trong hạn luật định nên được xem xét.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội trong một thời gian để giáo dục và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng cho bị cáo để xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 01 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là tương ứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại và được các bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo, chấp nhận kháng cáo của bị cáo và các bị hại, giảm hình phạt cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Thu Th và các bị hại gồm Trần Văn Th1; Lương Đ; Nguyễn Văn Ph; Nguyễn Hữu Ng; Phạm Văn S; Lê Nh; Lê Thị M; Đặng Thị Thùy D1; Đặng Công Đ; Nguyễn Thị B; Đinh Thị Thu C; Nguyễn Thị N; Đặng T; Trương Thành L; Nguyễn Văn S; Trần Ngọc H; Phạm Đình T2; Lê Thị H2; Đinh Thị S2; Nguyễn Đức D3; Nguyễn Thị Thanh V. Sửa bản án sơ thẩm, xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thu Th phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu Th 39 (ba mươi chín) tháng tù.

Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thu Th phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu Th 09 (chín) tháng tù.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Thị Thu Th phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND Tp. ĐL (02);
- VKSND Tp. ĐL(01);
- Cơ quan CSĐT CA Tp. ĐL(01);
- Cơ quan THAHS CA Tp. ĐL(01);
- Bị cáo (01);
- Bị hại (21);
- Hồ sơ THAHS (04);
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bình

